

Đề bài:

Phân tích bài thơ

Ông nghề tháng tám

của Tam Nguyên

Yên Đỗ.

## Bài làm

Nguyễn Khuyến là một nhà thơ của nông thôn. Mảng thơ trào phúng chỉ chiếm một phần nhỏ trong hàng loạt các tác phẩm của ông. Tuy nhiên, nét châm phá ấy không phải là không đặc sắc. Trái lại, nó miêu tả khá chân thật một khía cạnh khác trong tâm hồn của người thi sĩ.

Tiêu biểu cho phong cách trào phúng của Nguyễn Khuyến là bài thơ *Ông nghề tháng tám*:

*Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai  
Cũng gọi ông nghề có kém ai  
Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng  
Nét son điểm rõ mắt văn khôi  
Tám thân xiêm áo sao mà nhẹ?  
Cái giá khoa danh thế mời hời!  
Ghế tréo, lọng xanh ngời bánh chọc,  
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.*

Bài thơ không chỉ dành cho những ông tiến sĩ giấy.

Ngày trước, vào dịp Tết trung thu, người ta thường làm những ông tiến sĩ bằng giấy để bán cho các ông bố bà mẹ muốn nhờ vào thứ đồ chơi ấy để dạy dỗ, vun đắp cho con cái họ ước mơ một ngày vinh quy, võng lọng về làng. Tập tục ấy đã ít nhiều gây sự chú ý nơi Nguyễn Khuyến. Tôi tưởng tượng vào một đêm rằm Trung thu, ông cũng quan sát một ông tiến sĩ giấy, và dưới ánh trăng sáng, ông ngắm nghía thứ đồ chơi mà mình đang cầm:

*Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai.*

Ông buông lời nhận xét, vì chỉ:

*Cũng gọi ông nghề có kém ai.*

Nguyễn Khuyến đã vào đề thật tự nhiên, như lời nói bình thường buột ra khỏi miệng. Ừ nhỉ, “cũng”, “cũng”, “cũng” và “cũng”, có lẽ ông đang nhếch mép cười, “cờ”, “biển”, “cân đai” là những thứ khiến người ta nhận ra cái hình người bằng giấy mà họ cầm trên tay là một ông nghề. Và quan trọng hơn nữa, người ta cũng gọi thứ đồ chơi ấy là “ông nghề”. Nào có kém ai đâu! Suy ra được, chỉ cân cờ, biển, cân đai là dễ dàng được gọi bằng “ông nghề”. À, thế thì ở đây không còn đơn thuần nhắc đến một thứ đồ chơi nữa rồi. vấn đề ông nêu ra đã mang tính xã hội rồi, một xã hội đang hiện hữu hẳn hoi đấy nhé. Thì đó, thời buổi ấy có thiếu gì những chàng tiến sĩ “vinh quang bái tổ về làng”, cũng cờ, biển, võng lọng, cân đai, cũng đón rước linh đình và được xưng tụng “ông nghề”!

Nhưng gượng đã, xem nào:

*Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng  
Nét son điểm rõ mắt văn khôi.*

Đây, hình dáng ông tiến sĩ mà Nguyễn Khuyến đang ngắm nghía đây. Ồ hóa ra, cờ, biển, cân đai, những thứ làm nên “thân giáp bằng” chỉ là “mảnh giấy” tầm thường thôi. Có chăng chỉ được thêm phâm màu lòe loẹt vào cho lộng lẫy, và được “điểm” vào “mặt văn khôi” một “nét son”. Ta thấy cả hai câu “thực” đều mất cân xứng. Một vé toàn thứ tầm thường đối với một vé toàn những khái niệm cao quý. Nào là “giáp bằng”, nào là “văn khôi”. Đến đây thì ta có thể thấy thấp thoáng ý tứ của nhà thơ rồi. Đồ chơi đã thế thì những chàng tiến sĩ thật ra sao?

Phải chăng các ông ấy cũng nhò vào một vài mảnh giấy làm bài, vịnh thơ, làm phú mà được nên “thân giáp bằng”, và chính nét son phê của các giám khảo trường thi đã chỉ ra rõ “mặt văn khôi”. Hai câu thơ tả rất thực. Thực ở ý đen và cả nghĩa bóng nữa. Nhưng than ôi! Người ta vẫn bị khiến hiểu theo một nghĩa khác – nghĩa đánh đồng giấy bia bình thường với bài thi nét son của các ngài giám khảo với thứ phâm màu rẻ tiền tô điểm thêm cho hình giấy và nhất là những ông tiến sĩ sang trọng kia với một hình nhân bằng giấy tầm thường:

*Tám thân xiêm áo sao mà nhẹ?*

*Cái giá khoa danh thế mới hời!*

Nguyễn Khuyến cầm chơi ông tiến sĩ giấy trên tay, và cho lời nhận xét: Ồ, hóa ra ông ta thật là nhẹ, nhẹ hang. Các ông bố bà mẹ thật là hời, mua cả một lí tưởng cho con trẻ mà chỉ tốn ít tiền thôi. Giá ấy thật hời!

“Nhẹ” vừa mang nghĩa thực, vừa thể hiện ý “luận” của tác giả: ông xem nhẹ “tám thân xiêm áo” ấy đấy. Và ở đây, tứ thơ của tác giả đã bật ra, thoát khỏi hình ảnh ẩn dụ từ đầu bài. Ông biết rõ rằng tám bằng tiến sĩ mà các ông nghề đương thời có được chẳng phải dựa vào đôi vắn thơ hay hay bài phú xuất thần (các thứ ấy chỉ tương đương với mảnh bia vớt đi mà thôi) mà hoàn toàn dựa trên sức mạnh của đồng tiền. Người ta mua một “cái ghế” trên cao, mua chức phận địa vị, mua “tiếng thơm”, sự trọng vọng bằng bạc nén, và cái quý giá ấy thật hời. Vài trăm lạng bạc dâng cho giám khảo là có ngay những “nét son” đỏ chói cho “mảnh giấy” thôi mà, quá hời còn gì!

*Ghế tréo, lọng xanh ngồi bán chợ,*

*Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi!*

Những ông nghề thàng tám ấy ngồi đường hoàng, vắt chân chữ ngũ trên ghế thật oai, có lọng che trên nữa, ai mà nghĩ là đồ chơi nhỉ. Nhưng không phải là đồ thật đâu, đồ chơi đấy. Vinh qui về làng, các ông nghề ngất ngưỡng trên ngựa, tiền hô hậu ủng, dân chúng ðể ra đón mừng. Ta bật cười khi tưởng tượng ra, Nguyễn Khuyến xuất hiện bên những người dân, rì tai họ nhắc: đừng lầm nhé, không phải “đồ thật” đâu, “đồ chơi” đấy, cười đấy rồi thấm thía đấy. Vì sau một cuộc chơi như thế, nạn nhân chính là nhân dân, là đất nước đang thời rối ren, loạn li, đồng tiền lên ngôi tha hồ thao túng. Cái thời mà:

*Lọng cảm rọp trời quan sứ đến  
Váy lê quét đất mù đầm ra.*

*(Vịnh khoa thi Hương – Tú Xương)*

Cười đầy rồi ngậm ngùi đầy, vì những anh tài trong thiên hạ, mai sau là trụ cột của nước nhà ấy, lại “sao mà nhẹ”, “hóa đồ chơi”. Chính bản thân họ cũng không biết được mình là con tốt trong bàn cờ người, là đồ chơi trong bàn tay bọn vua quan và thực dân đang chực chờ bán nước và xâm lược.

Cười đầy rồi hiểu ra, bài thơ này không phải là tác phẩm trong một lúc hứng thú nhất thời, mà là kết quả của biết bao đêm trằn trọc, mất ngủ, lo lắng cho vận mệnh nước nhà của một con người yêu nước.

Bên cạnh một Tú Xương sắc sảo, bản lĩnh, cay chua, độc đáo một Tú Xương của những lời chửi thẳng vào mặt bọn người bán tiện của:

*Cô Ký sao mà đã chết ngay*

*Ô hay giờ chẳng nề ông Tây.*

*(Mùng hai Tết viếng cô Ký – Tú Xương)*

thì Nguyễn Khuyến là một phong cách đối lập. Thơ trào phúng của ông nhẹ nhàng, thâm thúy và sâu sắc. Đọc thơ Tú Xương ta hả hê, bọn người ấy thì bẽ mặt, còn đọc thơ Nguyễn Khuyến ngẫm nghĩ thơ Nguyễn Khuyến ra đồng cảm với nỗi xót xa, ngậm ngùi của ông trước xã hội, mà bản thân ông cũng từng là một ông nghề, một anh tài thực sự, muốn đem tài năng góp mặt cho đời, xây dựng đất nước. Cũng là một ông tiến sĩ, khi nhìn thấy cảnh nhố nhăng, lập lờ trong chốn quan trường nổi đau đớn tăng lên gấp bội. Thơ trào phúng của ông không gây cười, mà khiến người ta phải nghĩ, phải thấm thía cái nhục của một người mất nước, cái đau vì bản thân mình bất lực không làm gì được của ông.

Giữa những bài thơ trào phúng khác thì *Ông nghề tháng tám* là một bài thơ nổi bật, vì nó diễn tả khá rõ cái nhìn quan điểm của tác giả. Người đỡ đầu tam trường đã cười ông tiến sĩ giấy qua hình ảnh ẩn dụ thật tài tình và rất thú vị. Ngòi bút tài hoa của người thi sĩ đã từng bước vạch rõ sự thật ẩn đằng sau những cái giả của “ông tiến sĩ giấy”.

Như đã nói, thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến thể hiện một nét khác trong tâm hồn, tình cảm của ông. Ông không chỉ là một người yêu thiên nhiên, yêu người dân cần cù, yêu quê hương nghèo khổ mà chân tình của mình. Đêm đêm, ông vẫn không nguôi nghĩ đến vận mệnh đất nước, vẫn đau nỗi đau của đất nước, thấm thía cảnh mất nước của mình. Tất cả tâm sự trên được thể hiện qua những vần thơ trào phúng. Cười để mà khóc, để mà hiểu mình hơn.

Nhưng thái độ ngậm ngùi của ông chưa đủ, bản thân ông cũng biết là chưa đủ. Cười để khóc, và khóc xong thì phải hành động, phải đứng lên làm nhiệm vụ của một người yêu nước. Tuy nhiên, với ngòi bút thâm trầm của mình, những tác phẩm của ông cũng là một tiếng nói thức tỉnh.

Hiếu thơ Tam Nguyên Yên Đổ ta thông cảm cho một tấm lòng chân thành, một tài năng bị thui chột, mai một trong hoàn cảnh đất nước thời ấy. Mảng thơ trào phúng của ông góp thêm một tiếng nói đặc sắc cho dòng văn học cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, khiến những người trẻ ngày nay hiểu, cảm thông và yêu thêm đất nước, biết quý được những gì mình đang có được hôm nay.

Đặng Thiên Thu Trường PTTH chuyên Lê Hồng Phong  
Thành phố Hồ Chí Minh